



# **BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2020**



**KINH TẾ THẾ GIỚI**

**3**



**KINH TẾ VIỆT NAM**

**5**



**DỰ BÁO VÀ KIẾN NGHỊ**

**12**

# TỔNG QUAN

❖ **Kinh tế thế giới (KTTG)** năm 2020 trải qua cuộc khủng hoảng kép về y tế và kinh tế khi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng chưa từng có trong lịch sử, đến hết năm 2020 đã có gần **82 triệu** người bị nhiễm và gần **1,8 triệu** người tử vong. Đại dịch Covid-19 là cú sốc, là tác nhân lớn nhất đẩy KTTG rơi vào suy thoái sâu và phải mất 2-4 năm mới khắc phục được. Ngoài ra, những vấn đề lớn khác như cạnh tranh chiến lược, căng thẳng địa chính trị, tranh chấp chủ quyền, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xu thế chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, sự ly khai của các nước lớn trong các tổ chức quốc tế và khu vực, biến đổi khí hậu...v.v., tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.

❖ **Trong nước**, trước diễn biến phức tạp, nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, Việt Nam vẫn hoàn thành “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (KTXH). Bức tranh kinh tế ghi nhận **nhều điểm sáng** như: kiểm soát và khống chế tốt dịch bệnh; là một trong số ít các nước đạt được mức tăng trưởng dương năm 2020, thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất thế giới; các cân đối vĩ mô được duy trì ổn định; đầu tư công tăng trưởng khá; hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt được kết quả tích cực, hình ảnh và uy tín của Việt Nam được nâng cao; kinh tế số phát triển nhanh; năng lực cạnh tranh quốc gia, thể chế kinh tế, môi trường kinh doanh tiếp tục cải thiện tích cực.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với **nhều khó khăn, thách thức** từ bên ngoài; thu hút vốn FDI giảm mạnh; rủi ro nợ xấu gia tăng; hoạt động doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch Covid-19; tái cơ cấu nền kinh tế còn chậm; thâm hụt ngân sách và nợ công gia tăng dù vẫn trong tầm kiểm soát.

**Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu các năm 2016 -2020 và dự báo năm 2021**

| Các chỉ tiêu                              | 2016           | 2017           | 2018            | 2019           | 2020          | Dự báo 2021       |
|---|----------------|----------------|-----------------|----------------|---------------|-------------------|
| Tăng trưởng GDP (% ,yoy)                  | 6,21           | 6,81           | 7,08            | 7,02           | 2,91          | 6,5-7             |
| CPI bình quân (% ,yoy)                    | 2,66           | 3,52           | 3,54            | 2,79           | 3,23          | 3,5-3,7           |
| Chỉ số SXCN - IIP (% ,yoy)                | 7,5            | 9,4            | 10,2            | 9,1            | 3,4           | 8-9               |
| Bán lẻ HH và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng) | 3.527 (+10,2%) | 3.934 (+10,9%) | 4.396 (+11,7%)  | 4.940 (+11,8%) | 5.060 (+2,6%) | 5.415 (+7%)       |
| Xuất khẩu (tỷ USD,yoy)                    | 176,58 (+9%)   | 215,12 (+21,8) | 242,54 (+13,8%) | 264,27 (+8,5%) | 281,5 (+6,5%) | 298-304 (+6 →8% ) |
| Nhập khẩu (tỷ USD,yoy)                    | 174,80 (+5,6%) | 213,01 (+21,9) | 236,06 (+12,1%) | 253,39 (+7,1%) | 262,4 (+3,6%) | 278-283 (+5→7%)   |
| Cán cân thương mại (tỷ USD)               | 1,78           | 2,11           | 6,80            | 10,87          | 19,1          | 15-17             |
| Vốn FDI đăng ký (tỷ USD,yoy)              | 24,9 (+9,2%)   | 35,9 (+44,4)   | 35,5 (-1,2%)    | 38 (+7,2%)     | 28,5 (-25%)   | 37-39 (+30→35%)   |
| Vốn FDI thực hiện (tỷ USD,yoy)            | 15,8 (+9%)     | 17,5 (+10,8%)  | 19,1 (+9,1%)    | 20,4 (+6,7%)   | 20 (-2%)      | 21-22 (+5→+6%)    |
| Tăng trưởng tín dụng (ytd, %)             | 18,25          | 18,24          | 13,89           | 13,65          | 10,5-11       | 12-13             |
| Biến động VND so USD (ytd, %)             | -1,23          | 0,28           | -2,1            | 0,01           | 0,21          | -0,5→ -1          |
| Số DN thành lập mới                       | 110,1 (+16,2%) | 126,9 (+15,2%) | 131,3 (+3,5%)   | 138,1 (+5,2%)  | 134,9 (-2,3%) | 145,4 (+7,7%)     |
| Số DN quay trở lại hoạt động              | 26,7 (+24,1%)  | 26,4 (-0,9%)   | 34 (+28,6%)     | 39,4 (+15,9%)  | 44,1 (+11,9%) | 47,2 (+7,1%)      |
| Số DN tạm ngừng hoạt động                 | 19,9 (+27,3%)  | 21,7 (+8,9%)   | 27,1 (+25,1%)   | 28,7 (+5,9%)   | 46,6 (+62,2%) | 37,3 (-20%)       |
| Số DN hoàn tất giải thể                   | 12,5 (+31,8%)  | 12,1 (-2,9%)   | 16,3 (+34,7%)   | 16,8 (+3,2%)   | 17,5 (+3,7%)  | 17,5 (-)          |

\* Số trong ngoặc đơn: tăng/giảm so cùng kỳ năm trước

\*\*Số liệu xuất nhập khẩu và cán cân thương mại năm 2020 cập nhật từ TCTK

\*\* \*Số liệu doanh nghiệp: đơn vị: nghìn doanh nghiệp

**Nguồn: Tổng hợp từ TCTK, Bộ KHĐT, TCHQ và Dự báo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV.**

# I. KINH TẾ THẾ GIỚI

## Thế giới trải qua cuộc khủng hoảng kép nghiêm trọng về y tế và kinh tế.

Từ đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 xuất hiện, bùng phát và hiện diễn biến rất phức tạp, khó lường trên phạm vi toàn cầu, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các nước, các lĩnh vực, đẩy kinh tế thế giới rơi vào suy thoái nghiêm trọng nhất kể từ sau Đại khủng hoảng 1929-1933. Kết thúc năm 2020, khả năng phục hồi kinh tế tại các nước không đồng đều, phụ thuộc vào diễn biến và việc phòng, chống dịch. Trong khi các nước Đông Á (Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản,...) đã hồi phục trở lại từ giữa quý II hoặc quý III ngay khi kiểm soát tốt dịch bệnh; tại các nền kinh tế phát triển (như Mỹ, châu Âu, Australia, Canada, Singapore...), khả năng phục hồi chậm, khá mong manh bởi những làn sóng bùng phát dịch Covid-19 mới, mặc dù các gói hỗ trợ và kích thích tăng trưởng kinh tế trị giá hàng nghìn tỷ USD phần nào giúp giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng của suy thoái kinh tế tại các nước và khu vực này.

Đến cuối năm, hy vọng hồi phục của kinh tế thế giới bắt đầu lớn dần nhờ hàng loạt nỗ lực và kết quả tích cực của: (i) Ngành y tế đã đạt những bước tiến quan trọng trong phát triển vaccine và điều trị các ca nhiễm Covid-19; (ii) Các gói hỗ trợ lớn chưa từng có của Chính phủ và NHTW các nước đã phần nào phát huy hiệu quả, giúp cho các hoạt động kinh tế toàn cầu từng bước phục hồi, mặc dù ngành dịch vụ vẫn bị ảnh hưởng nặng nề; (iii) Tình trạng thất nghiệp, mất việc làm đã được giảm thiểu; (iv) Hầu hết các ngành/các doanh nghiệp đã phục hồi dù vẫn bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Có thể nhận định, hầu hết các nền kinh tế đã bước đầu hồi phục, song vẫn rất dễ bị tổn thương. Theo các tổ chức quốc tế, kinh tế thế giới suy giảm **4-4,5% năm 2020**, trong đó thương mại toàn cầu dự báo suy giảm khoảng **9,2-10%** và đầu tư giảm khoảng **10-15%**, dòng vốn FDI giảm khoảng **25-30%**, chủ yếu do dịch Covid-19.

**Bảng 2: Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế thế giới năm 2021**

|  | TB 2013-2019 | 2019 | 2020e | 2021f | 2022f |
|--|--------------|------|-------|-------|-------|
| <b>Tăng trưởng GDP (%/năm)</b>             |              |      |       |       |       |
| Thế giới                                   | 3,3          | 2,7  | -4,2  | 4,2   | 3,7   |
| G20  | 3,5          | 2,9  | -3,8  | 4,7   | 3,7   |
| Mỹ   | 2,5          | 2,2  | -3,7  | 3,2   | 3,5   |
| EU   | 1,8          | 1,3  | -7,5  | 3,6   | 3,3   |
| Trung Quốc                                 | 6,8          | 6,1  | 1,8   | 8,0   | 4,9   |
| Nhật Bản                                   | 0,9          | 0,7  | -5,3  | 2,3   | 1,5   |
| Ấn Độ                                      | 6,8          | 4,2  | -9,9  | 7,9   | 4,8   |
| ASEAN                                      | -            | 4,4  | -4,4  | 5,5   | -     |
| <b>Tăng trưởng thương mại toàn cầu (%)</b> | 3,3          | 1,0  | -10,3 | 3,9   | 4,4   |
| <b>Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu (%)</b>      | 6,5          | 5,4  | 7,2   | 7,4   | 6,9   |
| <b>CPI bình quân toàn cầu (% , yoy)</b>    | 1,7          | 1,9  | 2     | 2,2   | 2,4   |

*Nguồn: IMF (10/2020), ADB (12/2020), OECD (11/2020); Viện ĐT&NC BIDV tổng hợp.*

## Triển vọng kinh tế thế giới năm 2021 đã sáng sủa hơn, có thể phục hồi và đạt mức tăng trưởng khoảng 4,2%, nhưng còn nhiều thách thức

Hy vọng lớn nhất nhưng cũng là trở ngại lớn nhất cho KTTG trong năm tới vẫn sẽ là khả năng sản xuất và phân phối rộng rãi vaccine và phụ thuộc nhiều vào hiệu quả ngăn chặn các đợt bùng phát mới của dịch Covid-19. Theo nhận định của các tổ chức quốc tế như IMF, WB, ADB, OECD, Oxford Economics, CitiResearch,... một số nước có thể hồi phục trở lại mức trước đại dịch vào cuối năm 2021, nhưng cũng có một số nước sẽ chỉ phục hồi hoàn toàn đến cuối năm 2023 hoặc 2024. Thương mại toàn cầu được dự báo tăng trưởng khoảng **4% năm 2021**; trong khi đó, lạm phát vẫn duy trì ở mức thấp, khoảng **2,2-2,4%** trong năm 2021-2022.

## Kinh tế Mỹ - có nhiều tín hiệu hồi phục dù dịch bệnh vẫn bùng phát và quá trình chuyển giao quyền lực giữa 2 kỳ Tổng thống gặp nhiều khó khăn.



# I. KINH TẾ THẾ GIỚI

Mỹ là nước chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 với gần 20 triệu người nhiễm và gần 350 nghìn ca tử vong. Dịch bệnh cũng sớm bùng phát tại Mỹ (ngay từ quý I), kéo dài và hiện đang trong đợt bùng phát lần 3. Các hoạt động sản xuất, đầu tư, thương mại của Mỹ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, khiến tỷ lệ thất nghiệp tăng cao và thu nhập của người dân suy giảm mạnh. Những căng thẳng và chia rẽ trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 2020 cũng làm chậm lại đà hồi phục kinh tế Mỹ, sau khi giảm sâu kỷ lục vào quý II/2020 (-9%, yoy). Theo Cục dữ trữ Liên bang Mỹ (Fed, tháng 12/2020), nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô được ước tính không tiêu cực như dự báo hồi tháng 9/2020. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế dự báo âm **2,4%**, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ ước tính ở mức **6,7%** trong năm 2020, thấp hơn so với mức dự báo 7,6% tại báo cáo tháng 9 (đáng chú ý, đã có 12 triệu việc làm được hồi phục trong số 22 triệu việc làm bị mất do đại dịch); lạm phát lõi ước tính ở mức **1,4%**, thấp hơn so với mức dự báo 1,5% trước đó.

Về triển vọng kinh tế Mỹ trong năm 2021, Fed và các tổ chức quốc tế nhận định, Mỹ cần kiểm soát được dịch bệnh để lấy lại đà hồi phục kinh tế. Với những tín hiệu tích cực như trên, Fed đưa ra dự báo kinh tế Mỹ tăng trưởng **4,2% năm 2021** (thay cho mức 4% như dự báo trước) và cao hơn mức 3,1% đến 3,3% của các tổ chức quốc tế.

## **Kinh tế khu vực châu Âu – khó khăn trong hồi phục kinh tế và phòng dịch.**

Trong năm 2020, các đợt bùng phát dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế khu vực và các nền kinh tế thành viên. Các biện pháp tài khóa hỗ trợ phục hồi nền kinh tế bước đầu giúp cho kinh tế khu vực kim hãm tốc độ suy giảm nhưng chưa thể giúp kinh tế khu vực phục hồi sớm khi liên tục đối mặt với các đợt bùng phát mới. Kinh tế khu vực đã liên tục suy giảm từ đầu năm và đặc biệt là trong quý II (-14,7%, yoy) khi các nền kinh tế đầu tàu như Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha,... suy giảm nghiêm trọng bởi sự bùng phát của dịch Covid-19. Theo ECB (12/2020), kinh tế khu vực EU dự báo sẽ tiếp tục suy giảm 4,8% (yoy) trong quý IV/2020 sau khi đã suy giảm 4,3% (yoy) trong quý III. Cả năm 2020, GDP của khu vực được dự báo suy giảm **7,3%**, tích cực hơn so với mức dự báo giảm 8% trong báo cáo tháng 9.

Triển vọng kinh tế châu Âu năm 2021 vẫn kém khả quan khi khu vực đang phải đối mặt với biến thể mới, nguy hiểm hơn của virus SARS-CoV-2. Sự hồi phục của khu vực không chỉ phụ thuộc vào triển vọng cung ứng vaccine mà còn cần sự đồng thuận lớn của các thành viên trong việc đưa thêm các biện pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế. ECB dự báo GDP khu vực tăng trưởng **3,9% năm 2021**, thấp hơn mức 5% tại dự báo tháng 9, nhưng cao hơn mức dự báo 3,3-3,6% của các tổ chức quốc tế.

## **Kinh tế Trung Quốc – hồi phục vững chắc sau khi vượt qua cú sốc suy giảm quý I.**

Là tâm điểm đầu tiên của đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020, dẫn đến tăng trưởng quý I thấp nhất trong lịch sử (-6,8%, yoy), nhưng Trung Quốc đã sớm thành công trong kiểm soát dịch bệnh ngay trong quý I và phục hồi kinh tế từ đầu quý II với các mức tăng trưởng 3,2% (Quý II), 4,9% (quý III) và ước đạt 5,5-5,8% trong quý IV (theo dự báo của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc). Các hoạt động kinh tế đã sớm trở lại bình thường từ quý II giúp Trung Quốc là một trong số ít các nền kinh tế lớn giữ được mức tăng trưởng dương trong năm 2020, khoảng **1,8-2,2%**. Động lực hồi phục kinh tế chính của Trung Quốc trong năm 2020 và cả năm 2021 gồm: đầu tư cơ sở hạ tầng hiện đại (tập trung vào hạ tầng số), kích cầu tiêu dùng - dịch vụ - du lịch nội địa, đẩy mạnh vận tải hàng không, thúc đẩy mô hình kinh doanh trực tuyến và phát huy hiệu lực của các Hiệp định FTA thế hệ mới nhằm tiếp tục phát huy thế mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên, rủi ro lớn kim hãm đà phục hồi nhanh của Trung Quốc đến từ khả năng phục hồi sau dịch Covid-19 của các đối tác kinh tế lớn của Trung Quốc (như Mỹ, châu Âu...) và triển vọng giải quyết căng thẳng thương mại, công nghệ giữa Mỹ - Trung vẫn chưa rõ nét, nhiều nước có động thái chuyển dịch sản xuất ra khỏi Trung Quốc nhằm giảm phụ thuộc kinh tế vào nước này.

Về triển vọng kinh tế Trung Quốc, những biện pháp có hiệu quả của Chính phủ trong năm 2020 cùng với các biện pháp kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt, Trung Quốc có thể duy trì đà hồi phục và dự báo có thể đạt mức tăng trưởng **7,9-8,3% năm 2021**.

## II. KINH TẾ VIỆT NAM

### 1. Chín (9) điểm sáng

Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn đạt được một số kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

#### (1) Việt Nam là một trong số ít nước trên thế giới kiểm soát tốt được dịch bệnh

Trong năm 2020, 2 đợt bùng phát dịch Covid-19 (tháng 3 và tháng 7) đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống kinh tế xã hội trong nước. Tuy vậy, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, nhanh chóng của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương, với tinh thần “*chống dịch như chống giặc*” và kiên định thực hiện phương châm “*ngăn chặn; phát hiện; cách ly; khoanh vùng dập dịch; điều trị hiệu quả*” nhằm “*bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân*” và sự ủng hộ, đồng lòng, chấp hành nghiêm túc của người dân, dịch bệnh đã nhanh chóng được kiểm soát; giúp khôi phục lại các hoạt động kinh tế - xã hội, tạo nền tảng cho sự phục hồi kinh tế trong các tháng cuối năm 2020. Đến nay, kết quả kiểm soát dịch bệnh của nước ta được thế giới ghi nhận như một điểm sáng. Bên cạnh đó, Việt Nam đã bắt đầu thử nghiệm vaccine Covid-19 trên người từ cuối tháng 12/2020.

#### (2) Tăng trưởng GDP thuộc nhóm cao nhất thế giới, chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện

Tăng trưởng GDP năm 2020 đạt **2,91%** - tuy thấp hơn mục tiêu 6,8% và là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, nhưng là mức tăng trưởng dương và thuộc nhóm cao nhất thế giới. Tính chung cả giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt kết quả tích cực (6,78% giai đoạn 2016-2019 và đạt **6%** giai đoạn 2016-2020), cao hơn mức bình quân 5,81% của giai đoạn 2011-2015.

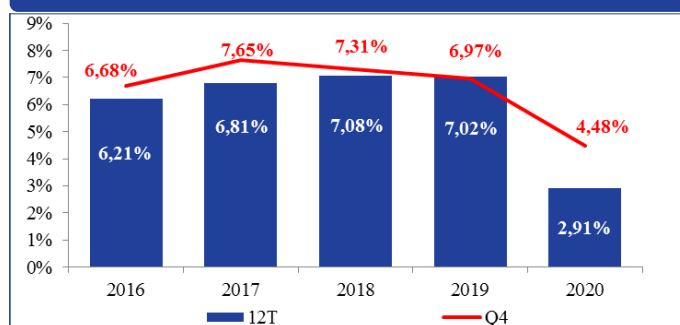
Kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét từ Quý II/2020 với mức tăng trưởng GDP của 4 quý lần lượt là **3,68%**, **0,39%**, **2,62%** và **4,48%** so với cùng kỳ năm trước, với **động lực tăng trưởng chính** là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng, nông - lâm - thủy sản, bán buôn - bán lẻ và dịch vụ tài chính - ngân hàng. Kết quả này cho thấy khả năng chống chịu của nền kinh tế đã được nâng lên và hiệu quả của Chính phủ trong điều hành nền kinh tế trước những tác động bên ngoài.

**Từ phía cung**, khu vực nông - lâm - thủy sản cả năm 2020 tăng **2,68%**; công nghiệp và xây dựng tăng **3,98%**; dịch vụ tăng **2,34%** đóng góp vào mức tăng trưởng chung lần lượt ở mức 13,5%, 53% và 33,5%. Cả 3 lĩnh vực này trong quý IV đều có dấu hiệu khởi sắc hơn hẳn so với quý III. Ngành **công nghiệp và xây dựng** quý IV tăng trưởng 5,6% cao hơn hẳn so với 2,95% của quý III, do Hiệp định thương mại tự do EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đã tạo động lực cho khu vực sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng. Ngành **nông - lâm - thủy sản** mặc dù chịu tác động trực tiếp bởi thiên tai, bão lũ, dịch bệnh, nhưng tiếp tục khẳng định là bộ đỡ của nền kinh tế, tăng trưởng quý IV đạt 4,69%, cao hơn mức 2,93% của quý III/2020, vừa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, giúp tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt gần 29 tỷ USD, giảm nhẹ 1,87% so với cùng kỳ.

**Từ phía cầu**, các động lực tăng trưởng chính như xuất khẩu, tiêu dùng, đầu tư tư nhân và FDI đều có dấu hiệu phục hồi rõ nét. Tiêu dùng cuối cùng tăng 1,06% so với năm 2019; tích lũy tài sản tăng 4,12%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,97%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 3,33%. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ** quý IV và cả năm 2020 tăng lần lượt là 8% và 2,6% so với cùng kỳ năm trước, đã phục hồi rõ rệt với quý trước (ở mức 4,5% và 0,7%) nhưng vẫn ở mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

**Chất lượng tăng trưởng** được cải thiện rõ rệt, khi đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt **46,1%** (bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 44,7%), cao hơn nhiều mức 33,58% của giai đoạn

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn 2016-2020 (%)



Nguồn: TCTK.

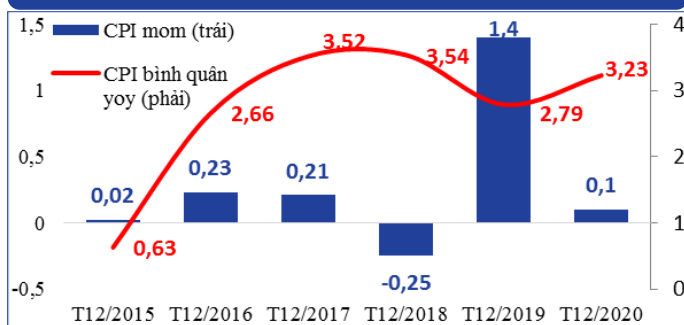
## II. KINH TẾ VIỆT NAM

2011-2015, vượt mục tiêu 30-35%. Năng suất lao động theo giá hiện hành năm 2020 ước đạt 117,9 triệu đồng/lao động (tăng 5,4% so với năm 2019). Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt **6,13 lần**, thấp hơn so với 6,25 giai đoạn 2011-2015 cho thấy sự chuyển biến tích cực. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế bị đình trệ, các dự án công trình hoàn thành đưa vào sử dụng chưa phát huy được năng lực, nên ICOR năm 2020 ở mức 14,28; khiến bình quân giai đoạn 2016-2020 hệ số ICOR là 7,04 lần.

### (3) Lạm phát được kiểm soát trong mục tiêu

**CPI bình quân năm 2020 lần lượt tăng 3,23% và lạm phát cơ bản tăng 2,31%** so với năm trước. Với xu hướng giảm dần của CPI bình quân và lạm phát cơ bản bình quân qua các tháng, lạm phát cả năm 2020 cách khá xa so với mục tiêu 4% và thấp hơn dự báo của các tổ chức quốc tế. Tính chung cả năm 2020, 3 nhóm hàng hóa giảm mạnh nhất là giao thông (-11,2%, so với năm trước), văn hóa, giải trí, du lịch (-1,23%), bưu chính viễn thông (-0,58%), góp phần giảm chỉ số giá chung. Đáng chú ý, nhóm hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, y tế, đồ dùng gia đình có xu hướng giảm dần trong nửa cuối năm 2020 và hầu như không tăng đột biến ngay cả trong những thời điểm khó khăn nhất như dịch bệnh bùng phát, thiên tai, lũ lụt. Kết quả tích cực này đã khẳng định những nỗ lực vượt bậc của Việt Nam trong đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa, bình ổn giá cả (đặc biệt các mặt hàng thiết yếu trong thời điểm cao điểm).

Hình 2: Chỉ số CPI tháng 12, bình quân cả năm giai đoạn 2015-2020 (% , y.o.y)



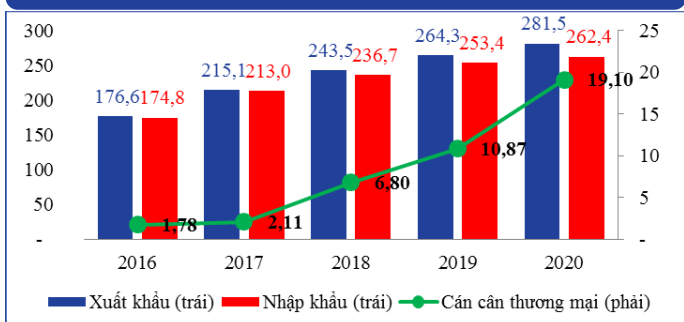
Nguồn: TCTK.

### (4) Các cân đối vĩ mô quan trọng được duy trì ổn định trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động

❖ **Thặng dư thương mại năm 2020 đạt mức kỷ lục, hoạt động xuất khẩu tiếp tục gia tăng trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn.**

Sau khi sụt giảm mạnh trong quý II, kim ngạch xuất khẩu đã hồi phục mạnh mẽ trong nửa cuối năm, với tốc độ tăng trưởng lũy kế các tháng sau đều cao hơn tháng trước. Kết thúc năm, kim ngạch xuất khẩu ước đạt **281,5 tỷ USD, tăng 6,5%** so với năm 2019, một điểm sáng đáng ghi nhận trong bối cảnh thương mại toàn cầu ước tính sẽ sụt giảm 9,2% năm 2020 (WTO, tháng 10/2020) và xuất khẩu của các nền kinh tế lớn trong ASEAN (Singapore, Philippines, Malaysia) đều sụt giảm. Tỷ trọng các mặt hàng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu đạt mức cao nhất từ trước đến nay (khoảng 90,4%) và đây cũng là nhóm mặt hàng duy nhất có tăng trưởng trong năm (ước tăng khoảng 6,5%) trong khi nhóm hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản và khai khoáng đều sụt giảm (ước giảm lần lượt 2,4% và 20,3%).

Hình 3: Xuất, nhập khẩu, cán cân thương mại 2017-2020 (tỷ USD)



Nguồn: TCTK.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2020 đạt **262,4 tỷ USD, tăng 3,6%** so với năm 2019, trong đó, đáng chú ý, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tăng khoảng 4,1% so với năm 2019 trong khi kim ngạch NK nhóm hàng tiêu dùng giảm 3,8%, góp phần khẳng định tính ổn định của hoạt động sản xuất nội địa. Nhập khẩu khu vực kinh tế trong nước đạt 93,6 tỷ USD, giảm 10%; khu vực có vốn đầu tư nước

## II. KINH TẾ VIỆT NAM

ngoài đạt 168,8 tỷ USD, tăng 13%.

Theo thị trường, XK sang Mỹ tăng nhanh (+24,5%), tỷ trọng XK sang Mỹ trong tổng kim ngạch cũng tăng tương đối từ khoảng 23% năm 2019 lên hơn 27% năm 2020. Trung Quốc vượt qua EU trở thành thị trường XK lớn thứ hai của nước ta trong năm 2020 (chiếm 17,2%, so mức 12,4%). Trung Quốc cũng duy trì vị trí thị trường NK số một của Việt Nam trong khi một số thị trường NK quan trọng ở khu vực châu Á chứng kiến sự sụt giảm kim ngạch (Hàn Quốc giảm 1,5%, ASEAN giảm 6,9%).

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 thặng dư ở mức kỷ lục **19,1 tỷ USD** (cao gần gấp đôi mức thặng dư 10,87 tỷ USD năm 2019), là minh chứng cho năng lực sản xuất, XK hàng hóa của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch toàn cầu.

❖ **Tỷ giá cơ bản ổn định, lãi suất giảm, hoạt động của hệ thống ngân hàng ổn định nhờ chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt của NHNN.**

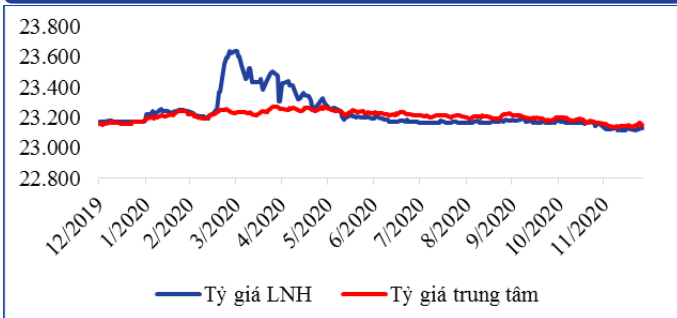
Mặc dù tỷ giá tăng nhanh từ giữa tháng 3/2020 do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 song nhờ sự điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động của NHNN, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, sẵn sàng can thiệp để bình ổn thị trường, tỷ giá giao dịch giảm **0,21%** so với đầu năm, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô. Nguyên nhân chính là do: (i) xu hướng giảm khá mạnh của đồng USD (giảm 6,42% trong năm 2020) khi Fed thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng chưa từng có tiền lệ với lãi suất ở mức 0%, đồng thời cung tiền tăng mạnh khi Chính phủ Mỹ ban hành các gói hỗ trợ nền kinh tế; (ii) NHNN gia tăng dự trữ ngoại hối (đến hết tháng 10/2020 dự trữ ngoại hối tăng 13 tỷ USD so với đầu năm) góp phần ổn định giá trị VND; (iii) nguồn cung ngoại tệ dồi dào khi thặng dư thương mại đạt mức kỷ lục (19,1 tỷ USD); (iv) nhu cầu thanh toán, vay ngoại tệ của doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ khi hoạt động xuất nhập khẩu chịu tác động tiêu cực bởi dịch bệnh.

Giống như đa số các nền kinh tế khác, mặt bằng lãi suất của Việt Nam trong năm 2020 cũng giảm mạnh, về mức thấp trong vòng 10 năm qua khi: (i) NHNN thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt (3 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành từ 1,5-2%/năm, giảm 0,6-1%/năm trần lãi suất tiền gửi; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên) giúp giảm mặt bằng lãi suất đầu vào, tạo cơ sở để các TCTD giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế sớm hồi phục sau dịch bệnh; (ii) NHNN thông qua các biện pháp thị trường mở gia tăng thanh khoản trên hệ thống liên ngân hàng khiến lãi suất giảm mạnh. Tuy nhiên, theo chúng tôi, **trong năm 2021**, lãi suất sẽ chịu nhiều áp lực tăng khi nhu cầu tín dụng phục hồi, áp lực lạm phát cao hơn, đòi hỏi NHNN và các bộ, ngành không chủ quan.

### ► (5) Đầu tư công có những chuyển biến rõ rệt, tích cực trong năm 2020

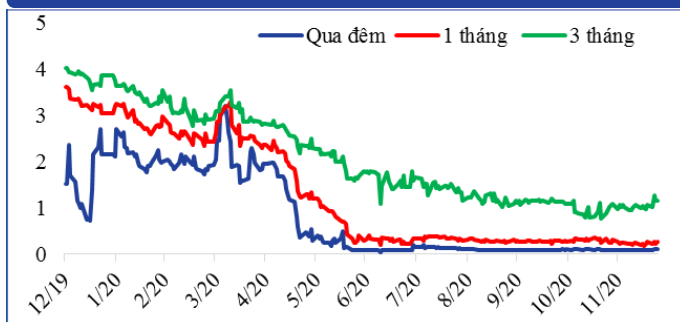
Trong bối cảnh nền kinh tế chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19, Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản số 622/TTg-KTTH, số 623/TTg-KTTH ngày 26/5/2020, Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 về việc tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và coi đây như một nhiệm vụ trọng tâm nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nhiều công trình trọng điểm quốc gia được khởi công, thực hiện; góp phần vào tăng trưởng kinh tế năm nay và các năm tiếp theo. Nhờ đó, đầu tư công năm 2020 đã đạt được kết quả rất tích cực, vốn đầu tư từ NSNN thực hiện ước đạt 466,6 nghìn tỷ đồng, bằng **91,1%** kế hoạch năm và tăng **34,5%** so với năm trước, cao nhất trong giai đoạn 2011-2020 (năm 2019 bằng 90,5%

Hình 4: Diễn biến tỷ giá USD/VND năm 2020



Nguồn: Bloomberg.

Hình 5: Diễn biến lãi suất liên ngân hàng năm 2020 (%)



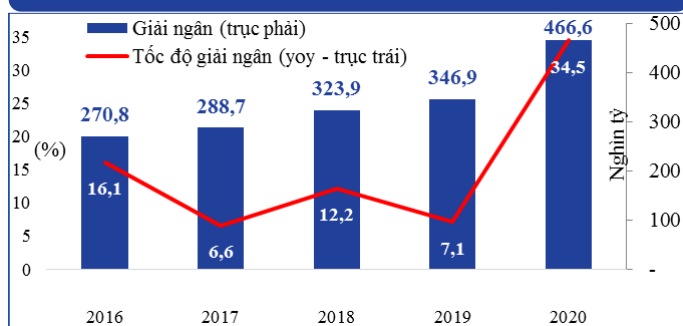
Nguồn: Bloomberg.



## II. KINH TẾ VIỆT NAM

và tăng 7,1%). Theo phân cấp quản lý, vốn Trung ương quản lý đạt 84 nghìn tỷ đồng, bằng 91,4% kế hoạch năm và tăng 59,7% so với năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 382,6 nghìn tỷ đồng, bằng 91,1% và tăng 29,9%. Thành quả này có được là nhờ các nỗ lực của nhiều bộ, ngành và địa phương trong việc tập trung thực hiện các giải pháp, tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình với mục tiêu thực hiện tối đa kế hoạch vốn được giao trong năm 2020

**Hình 6: Giải ngân và tăng trưởng vốn thực hiện từ NSNN giai đoạn 2011-2020 (nghìn tỷ, %, so với cùng kỳ)**

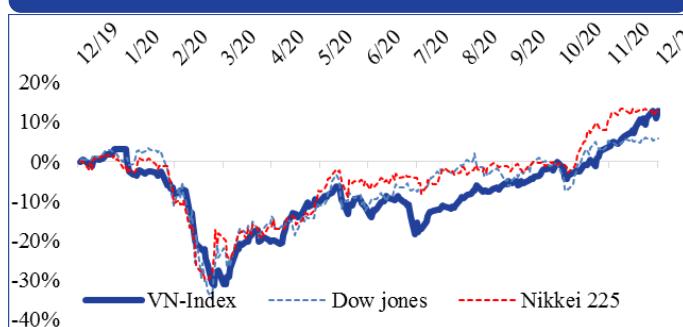


Nguồn: TCTK.

### (6) Thị trường chứng khoán phục hồi nhanh sau khi bắt đáy cuối tháng 3/2020

Thị trường cổ phiếu hồi phục mạnh sau khi bắt đáy cuối tháng 3/2020. Đến hết ngày 28/12, VNIndex đạt 1.091,33 điểm, tăng 68% kể từ đáy tháng 3 và tăng **13,6%** so với đầu năm (tương đương với mức tăng tại các thị trường trong khu vực). Đáng chú ý, thị trường Việt Nam cũng xác lập kỷ lục có mức tăng mạnh nhất thế giới trong 2 tháng liên tiếp (tháng 9, tháng 10). Trong tháng 12/2020, thanh khoản thị trường tăng mạnh, có phiên đạt 15 nghìn tỷ đồng. Giao dịch của khối ngoại là điểm trừ khi NĐTNN bán ròng 16,2 nghìn tỷ đồng (khoảng 700 triệu USD) trong năm 2020. Tuy nhiên, đây là mức thấp so với hầu hết các nước trong khu vực như Thái Lan (-8,3 tỷ USD), Phillipines (-2,5 tỷ USD), Indonesia (-3,2 tỷ USD), Hàn Quốc (-20,1 tỷ USD). Đến cuối năm 2020, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5,1 triệu tỷ đồng (tương đương **80% GDP**), tăng 14% so với năm 2019.

**Hình 7: Chỉ số VNIndex và 1 số thị trường trên thế giới năm 2020 (31/12/2019=100%)**



Nguồn: Bloomberg.

Về thị trường trái phiếu, đến hết ngày 25/12, KBNN đã phát hành được 333 nghìn tỷ đồng TPCP, đạt 98,2% kế hoạch năm, tăng 68,4% so với năm 2019; kỳ hạn phát hành bình quân là 13,94 năm; lãi suất bình quân ở mức 2,86%/năm. **Đối với TPDN**, khối lượng phát hành khoảng 348,4 nghìn tỷ đồng tính đến hết tháng 11/2020 (tăng 14,7% so với cả năm 2019).

**Nguyên nhân của đà tăng chứng khoán này cơ bản là do:** (i) dịch bệnh được kiểm soát tạo điều kiện phục hồi kinh tế, lợi nhuận doanh nghiệp khả quan; (ii) nhiều cổ phiếu của các ngành hưởng lợi từ dịch bệnh (như CNTT, viễn thông, thương mại điện tử...) tăng giá mạnh; (iii) lãi suất thấp có thể khiến nhà đầu tư bỏ tiền vào cổ phiếu hơn là gửi tiết kiệm hoặc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh; (iv) giãn cách xã hội do dịch bệnh có thể khiến nhiều nhà đầu tư quan tâm đến TTCK nhiều hơn (hết 11 tháng đầu năm, thị trường có thêm gần 333 nghìn tài khoản mới), nhất là khi lợi nhuận đầu tư chứng khoán hiện nay có vẻ hấp dẫn hơn các kênh đầu tư hợp pháp khác. *Tuy vậy, cũng cần lưu ý là trên thế giới cũng như tại Việt Nam hiện nay, tính kết nối giữa TTCK và nền kinh tế thực có vẻ lỏng lẻo (thậm chí ngược chiều), khi kinh tế suy thoái hoặc tăng trưởng thấp nhưng chỉ số chứng khoán tăng cao; điều này tiềm ẩn rủi ro và thiếu bền vững.*

### (7) Hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả tích cực

Quá trình hội nhập tiếp tục được triển khai mạnh mẽ trong năm 2020 với việc Việt Nam đẩy mạnh triển khai Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ tháng 1/2019), ký kết Hiệp định EVFTA (hiệu lực từ 1/8/2020) và Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đã được ký kết ngày 15/11, dự kiến sẽ có hiệu lực trong vòng 18 tháng. Việc ký kết và tham gia thành công các hiệp định thương mại trên đã ngày càng củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, mang lại nhiều cơ hội xuất khẩu, đầu tư, du lịch, đồng thời là



## II. KINH TẾ VIỆT NAM

nhân tố quan trọng tiếp tục thúc đẩy quá trình cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế trong thời gian tới.

Ngoài ra, trong năm 2020, Việt Nam đã thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA-41 và Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc; đồng thời đẩy mạnh quan hệ đối ngoại với các nước, nhất là tăng cường hợp tác trong phòng chống dịch, nâng cao hình ảnh về Việt Nam; góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

### ▶ (8) Năng lực cạnh tranh quốc gia, môi trường kinh doanh của Việt Nam ngày càng được cải thiện

Chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh được quốc tế ghi nhận và cộng đồng doanh nghiệp, người dân đánh giá tích cực. Hệ sinh thái khởi nghiệp và sáng tạo được từng bước hoàn thiện, tạo ra làn sóng khởi nghiệp mạnh mẽ. Theo Báo cáo về thương hiệu quốc gia năm 2020 do Brand Finance công bố, giá trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam năm 2020 tăng **29%** (nhanh nhất thế giới), đạt mức 319 tỷ USD, xếp thứ 33 (tăng 9 bậc từ thứ 42 năm 2019). Cũng trong năm 2020 các tổ chức quốc tế Standard & Poor's (S&P), Moody's và Fitch Rating vẫn giữ vững mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam ở mức BB và triển vọng Ổn định, bất chấp bối cảnh nền kinh tế toàn cầu suy giảm và nhiều nước bị hạ tín nhiệm.

Về cải thiện môi trường kinh doanh, Việt Nam đã đưa vào vận hành hệ thống Chính phủ điện tử, đã có 7/12 Bộ hoàn thành cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; trên 99% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động thực hiện kê khai thuế, nộp thuế điện tử. Bên cạnh đó, cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số được chú trọng, triển khai quyết liệt, đạt nhiều kết quả tích cực. Chỉ số đổi mới, sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam năm 2020 xếp thứ **42/131**, đứng đầu nhóm 29 quốc gia, nền kinh tế cùng mức thu nhập.

### ▶ (9) Đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng KHKT, CNTT được đẩy mạnh; kinh tế số phát triển nhanh chóng

Việc ban hành Quyết định số 749 (tháng 6/2020) phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Chính phủ là dấu mốc quan trọng trong quá trình chuyển đổi số Việt Nam đến năm 2030. Là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới phát triển mạng 5G, tỷ lệ sử dụng Internet đạt 70,4% dân số (đạt 68,2 triệu người), số lượng kết nối di động đã đạt tới 145,8 triệu, gấp 1,5 lần dân số Việt Nam, **Việt Nam đứng thứ 2 ASEAN về tốc độ tăng trưởng kinh tế số**, đạt trung bình **27%** trong giai đoạn 2015-2020 (Google, Temasek và Brain & Company tháng 11/2020). Quy mô kinh tế số của Việt Nam năm 2020 ước đạt **14 tỷ USD**, đóng góp khoảng 5%GDP với sự thay đổi khá rõ nét của các khu vực kinh tế, từ sản xuất, dịch vụ, thương mại, vận tải đến các hoạt động thanh toán, tài chính, giáo dục cũng như quản lý nhà nước, đặc biệt là sự phát triển năng động của các ngành kinh tế mới nổi như: CNTT & TT; viễn thông; thương mại điện tử; Fintech, HealthTech, Edtech, Proptech...v.v.

Theo Hiệp hội TMĐT Việt Nam, doanh thu thương mại điện tử của Việt Nam bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng **30%**, là mức cao trong khu vực ASEAN (chỉ thấp hơn Indonesia), từng bước trở thành kênh phân phối quan trọng của nền kinh tế trong bối cảnh dịch bệnh; tốc độ tăng trưởng thanh toán điện tử thuộc nhóm cao nhất thế giới, khoảng **35%/năm** trong giai đoạn 2016-2020...v.v. Bên cạnh đó, việc xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số được chú trọng, triển khai quyết liệt, đạt nhiều kết quả tích cực; chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) tăng hạng liên tục (năm 2020 ở vị trí 86/193); Việt Nam đứng thứ 3 Đông Nam Á (sau Indonesia và Singapore) về hoạt động khởi nghiệp (startups) trong giai đoạn 2016-2020.

## 2. Sáu (6) hạn chế, thách thức

Mặc dù hoạt động kinh tế trong nước ghi nhận sự phục hồi tích cực, tuy nhiên vẫn còn 6 **thách thức lớn**, cụ thể như sau:

### ▶ (1) Rủi ro, thách thức từ bên ngoài vẫn đang hiện hữu

Có thể nhận diện 3 rủi ro chính từ bên ngoài vẫn là: (i) dịch Covid-19 trên thế giới diễn biến khó lường, vẫn chưa được kiểm soát tại nhiều nước, nhiều khu vực; (ii) cạnh tranh chiến lược giữa các quốc

## II. KINH TẾ VIỆT NAM

gia, đối tác lớn; căng thẳng thương mại và công nghệ còn leo thang và khó đoán; (iii) địa chính trị phức tạp và thiên tai, lũ lụt ảnh hưởng tới khả năng phục hồi kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, các tổ chức quốc tế, chuyên gia tiếp tục cảnh báo về rủi ro bất ổn tài chính toàn cầu, có thể dẫn đến bong bóng tài sản tài chính; Việt Nam cũng cần lưu tâm vấn đề này (*Viện ĐT & NC BIDV đã đề cập tới vấn đề này tại Báo cáo “Rủi ro bất ổn tài chính toàn cầu - sức chống chịu của Việt Nam và kiến nghị” tháng 10/2020*).

### ▶ (2) Thu hút vốn FDI giảm mạnh so với năm trước

Lũy kế đến hết ngày 20/12, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam ước đạt **28,5 tỷ USD**, giảm **25%** so với năm 2019, trong đó, chỉ có duy nhất vốn đăng ký điều chỉnh tăng (+10,6%). Mức giảm mạnh nhất trong cả năm thuộc về vốn góp và mua cổ phần (giảm 51,7%). Mặc dù có sự cải thiện trong nửa cuối năm, song nhìn chung thu hút FDI cả năm của Việt Nam cũng nằm trong xu hướng suy giảm đầu tư toàn cầu (*dòng vốn FDI toàn cầu ước giảm 25-30% năm - theo UNCTAD (10/2020)*).

Theo ngành nghề, mặc dù công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là ngành thu hút nhiều đầu tư nước ngoài, tỷ trọng FDI vào ngành này có xu hướng giảm khá mạnh (từ khoảng 65% năm 2019 xuống còn gần 50% năm 2020). Thay vào đó, tỷ trọng thu hút FDI trong ngành sản xuất, phân phối điện tăng mạnh (từ gần 3% lên gần 19%), tiếp theo là ngành kinh doanh bất động sản (chiếm tỷ trọng khoảng 15% tổng vốn đăng ký); nhưng đây không phải là xu hướng trong dài hạn. Theo đối tác, các nhà đầu tư châu Á vẫn đóng vai trò chủ lực trong 139 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam (chiếm khoảng 85% vốn đăng ký), vai trò của các nhà đầu tư châu Âu và Mỹ còn tương đối hạn chế.

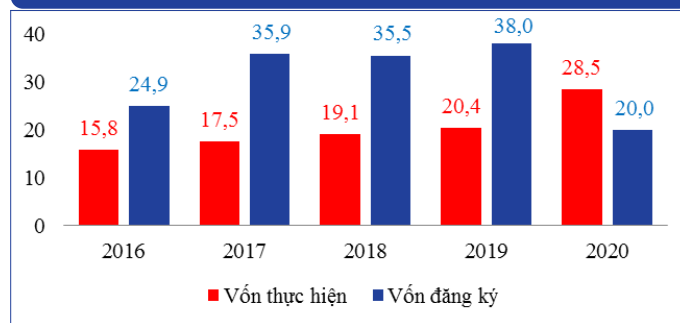
Lũy kế đến 20/12/2020, tổng vốn giải ngân ước đạt gần **20 tỷ USD**, giảm nhẹ **2%** so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu do giải ngân FDI trong gần 3 quý đầu năm kém tích cực. **Nguyên nhân dòng vốn FDI vào Việt Nam giảm hoặc chưa tăng nhanh như kỳ vọng trong bối cảnh xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, theo chúng tôi**, có thể là: (i) nhà đầu tư còn cân nhắc hoặc mới dịch chuyển 1 phần (nhỏ lẻ, dễ dịch chuyển), (ii) việc hạn chế hoặc chưa cho đi lại bằng đường hàng không do dịch bệnh phức tạp khiến việc thực địa, khảo sát, tìm hiểu và đàm phán của nhà đầu tư bị gián đoạn, (iii) tác động tiêu cực của dịch bệnh khiến nhiều nhà đầu tư khó khăn về tài chính, SX-KD, xuất khẩu nên do dự mở rộng đầu tư.

### ▶ (3) Thâm hụt NS gia tăng và nợ công duy trì ở mức cao, song vẫn trong tầm kiểm soát

Tổng thu NSNN năm 2020 (đến 15/12/2020) giảm 7,55% so với cùng kỳ 2019; chi NSNN 2020 tăng 8,81% so với cùng kỳ 2019; trong đó, thu nội địa giảm 3,9% song thu từ dầu thô và thu từ XNK vẫn giảm khá mạnh (lần lượt giảm 38,7% và 18% so với năm 2019. Mặc dù còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh và thiên tai, lũ lụt; tỷ lệ huy động vào NS đạt 23% và tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN đạt khoảng 84,3% theo đúng định hướng là tăng tỷ trọng thu nội địa; nhờ đó, tỷ lệ huy động vào NSNN đạt bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 24,5% GDP, cao hơn mức bình quân giai đoạn 2011-2015 (23,4% GDP) và tỷ trọng thu nội địa trung bình đạt khoảng 81,6%, cao hơn so với giai đoạn 2011 - 2015 (68%).

Thâm hụt ngân sách năm 2020 trên GDP ước tính ở mức khoảng **4,1%** (trên quy mô GDP 2020 chưa đánh giá lại), thấp hơn so với dự báo trước đó 4,5%. Cùng với đó, tỷ lệ nợ công/GDP dự kiến năm 2020 ở mức khoảng **56,8% GDP**, tuy cao hơn năm 2019 song vẫn trong giới hạn cho phép (dưới 65%GDP) và thấp hơn mức trung bình toàn cầu (khoảng 100%GDP) và của các quốc gia mới nổi.

Hình 8: Tình hình FDI đăng ký và giải ngân các năm 2016-2020 (tỷ USD)



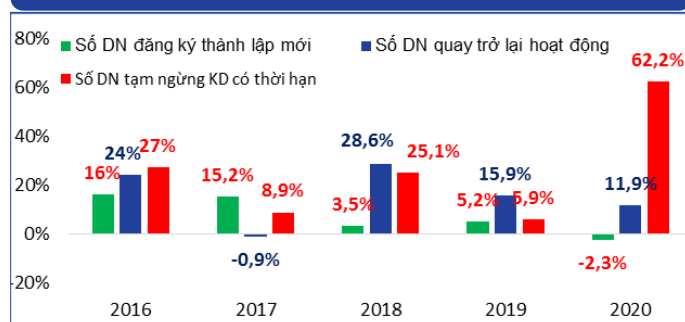
Nguồn: Bộ KHĐT.

## II. KINH TẾ VIỆT NAM

### ► (4) Hoạt động doanh nghiệp chịu tác động nặng nề do dịch Covid-19

Nhìn chung, 2020 là năm hết sức khó khăn đối với hoạt động doanh nghiệp, đặc biệt trong các thời điểm phải thực hiện giãn cách xã hội do dịch Covid-19, nhiều DN phải đóng cửa, hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ, chuỗi cung cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Năm 2020, số DN đăng ký thành lập mới giảm **2,3%** so với năm 2019, là năm giảm duy nhất trong giai đoạn 2016-2020. Mặc dù số DN quay trở lại hoạt động kinh doanh năm 2020 tăng 11,9%, nhưng **số DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (46,6 nghìn) tăng 62,2%** so với năm trước, mức tăng mạnh nhất trong giai đoạn 2016-2020. Điều đó cho thấy dịch Covid-19 ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của các DN trong năm 2020.

Hình 9: Tình hình hoạt động doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 (% so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK.

### ► (5) Rủi ro nợ xấu gia tăng

Đến cuối năm 2020, tỷ lệ nợ xấu đã vượt mức **2%**, song vẫn trong tầm kiểm soát nhờ việc NHNN cho phép cơ cấu lại nợ mà không phải chuyển nhóm nợ để có thể cho vay mới phục vụ SX-KD...v.v. (theo tinh thần Thông tư 01 ngày 13/3/2020). Bên cạnh đó, hoạt động doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn hơn khi cả tổng cầu và tổng cung suy giảm đã khiến nợ xấu có xu hướng tăng lên. Đến ngày 21/12, các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khoảng 270 nghìn khách hàng với dư nợ gần **355 nghìn tỷ đồng**; miễn, giảm, hạ lãi suất cho gần 590 nghìn khách hàng với dư nợ trên 1 triệu tỷ đồng, đặc biệt các TCTD đã cho vay mới lãi suất ưu đãi (thấp hơn phổ biến từ 0,5 đến 2,5% so với trước dịch) với doanh số lũy kế từ 23/1 đến hết 21/12 đạt gần 2,3 triệu tỷ đồng cho hơn 390 nghìn khách hàng.

Tính đến ngày 21/12, tăng trưởng tín dụng đạt **10,14%** (tín dụng xuất khẩu tăng 10,4%; tín dụng nông nghiệp, nông thôn tăng khoảng 9,8%, tín dụng DNNVV tăng 11%), thấp hơn mức 13,6% của năm 2019 khi sức cầu còn yếu và khả năng đáp ứng điều kiện tín dụng của 1 số khách hàng khó khăn hơn do năng lực tài chính giảm sút. Năm 2020, tăng trưởng tín dụng khoảng **10,5-11%**, thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 nhưng là mức chấp nhận được trong bối cảnh sức cầu còn yếu và không thể hạ chuẩn tín dụng, gây rủi ro lâu dài. Khi Thông tư 01 sửa đổi hết hiệu lực, nợ xấu nội bảng dự báo sẽ tăng lên đến **3-3,5%** và nợ xấu gộp có thể lên đến **4,5-5%** năm 2021.

### ► (6) Tái cơ cấu nền kinh tế còn một số chỉ tiêu chưa hoàn thành, một phần do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19

Quá trình cơ cấu lại kinh tế giai đoạn 2016-2020 đã đạt các kết quả tích cực hơn so với giai đoạn trước đó, dù vẫn chưa đạt kỳ vọng. Quy mô nợ công giảm mạnh, từ mức 63,7%GDP năm 2016 xuống khoảng 55%GDP năm 2019 và dự kiến ở mức 57-58%GDP năm 2020, song vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu không quá 65%GDP. Quy mô nợ Chính phủ đã giảm mạnh từ 52,7% năm 2016 xuống 48%GDP đến cuối năm 2019, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu không quá 54%. Tuy nhiên, **hiệu quả đầu tư công giai đoạn 2016-2019 cải thiện chưa đáng kể** (6,13 lần, chỉ giảm nhẹ so với mức 6,25 lần của giai đoạn trước).

Quá trình cổ phần hóa (CPH) và thoái vốn DNNN giai đoạn 2016-2020 vẫn chậm hơn so với kế hoạch đề ra dù kết quả tích cực hơn so với giai đoạn 2011-2015. Lũy kế từ đầu năm 2016 đến tháng 11/2020, đã có **178 DN** được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án CPH; tổng số tiền thoái vốn đạt 25.749 tỷ đồng, thu về 173.103 tỷ đồng. Như vậy, giá trị cổ phần nhà nước bán được đạt 11%, cao hơn so với giai đoạn 2011 - 2015 (8%), trong đó có nhiều thương vụ thoái vốn hiệu quả cao (Vinamilk, Sabeco...). Ngoài ra, việc xử lý 12 dự án thua lỗ, yếu kém còn chậm; một phần là do dịch Covid-19 khiến hoạt động của các dự án này trở nên khó khăn hơn.

### III. DỰ BÁO VÀ KIẾN NGHỊ

#### ▶ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2021

Mục tiêu tổng quát mà Đảng, Nhà nước đặt ra cho giai đoạn **2021-2025** là Việt Nam phấn đấu trở thành nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm khoảng **6,5-7%**; GDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 4.700-5.000 USD; chỉ số CPI bình quân tăng khoảng **dưới 4%**; tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân trên 6,5%/năm.

Năm **2021** là năm có nhiều ý nghĩa khi hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn với việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, đồng thời là năm đầu thực Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm (2021-2025). Trong bối cảnh thế giới dự báo có nhiều biến động, đặc biệt là diễn biến đại dịch Covid-19 còn phức tạp, khó lường (dù việc triển khai tiêm vaccine Covid-19 có thể hỗ trợ việc ngăn chặn dịch bệnh lan rộng), chúng tôi cho rằng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của Việt Nam vẫn là: *thực hiện thành công “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả vừa phục hồi và phát triển KTXH trong trạng thái bình thường mới*. Chúng tôi **dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô năm 2021** như sau.

- **Tăng trưởng GDP:** năm 2021, các hoạt động kinh tế xã hội được dự báo sẽ phục hồi mạnh hơn sau những tác động của dịch bệnh. Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2021 dự báo có thể đạt **6,5-7%**, phù hợp với dự báo của các tổ chức quốc tế (IMF, World Bank, ADB,...) như nêu tại Bảng 3 dưới đây:

**Bảng 3: Dự báo một số chỉ số kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2021**

| Tổ chức dự báo                       | Tăng trưởng GDP (%) | Lạm phát (%)     | Thâm hụt NS/GDP (%) |
|--------------------------------------|---------------------|------------------|---------------------|
| ADB (12/2020)                        | 6,3                 | 3,5              | 3,5                 |
| IMF (10/2020)                        | 7                   | 3,9              | -                   |
| World Bank (9/2020)                  | 6,7                 | 3,9              | -                   |
| Citibank (12/2020)                   | 7,1                 | 3,2              | 3,4                 |
| Bộ KH&ĐT (9/2020)                    | 6,7                 | -                | -                   |
| Chính phủ Việt Nam (12/2020)         | 6                   | <4               | -                   |
| <b>Viện ĐT&amp;NC BIDV (12/2020)</b> | <b>6,5 - 7</b>      | <b>3,5 – 3,7</b> | <b>3,5 *</b>        |

*Nguồn: Tổng hợp của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV, \* theo GDP sau đánh giá lại.*

- **Lạm phát:** áp lực lạm phát được dự báo sẽ tăng trong năm 2021 do tác động của đà hồi phục kinh tế, lộ trình tăng giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý, độ trễ của chính sách tiền tệ - tài khóa mở rộng. Dự báo CPI bình quân năm 2021 sẽ tăng **3,5-3,7%** so với năm 2020 (theo mô hình dự báo lạm phát của Viện ĐTNC BIDV, đây là mức thấp hơn mức dự báo hồi tháng 9/2020) song sẽ vẫn tăng 0,3-0,5 điểm % so với năm 2020. Vì vậy, để đảm bảo kiểm soát tốt lạm phát, cần chú trọng đảm bảo hiệu quả các gói hỗ trợ, tăng cường bình ổn giá, đảm bảo dân sinh và niềm tin người tiêu dùng (đặc biệt vào các dịp cao điểm mang tính mùa vụ), cũng như phối hợp chính sách.

- **Thương mại:** việc EVFTA chính thức có hiệu lực từ tháng 8/2020; Hiệp định RCEP được ký kết ngày 15/11/2020, dự kiến hiệu lực trong vòng 18 tháng và Hiệp định thương mại tự do Anh - Việt Nam (UKVFTA) sẽ có hiệu lực vào đầu năm 2021, mở ra nhiều cơ hội mới cho hoạt động thương mại, đầu tư và du lịch. Mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu có thể khiến nhu cầu đối với hàng hóa Việt Nam tiếp tục bị ảnh hưởng, song thực tế dịch bệnh được kiểm soát tương đối tốt trong cả hai đợt bùng phát dịch tại Việt Nam cũng góp phần đáng kể củng cố tính ổn định của sản xuất nội địa và hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư, sản xuất. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, việc bị Mỹ gán mác “thao túng tiền tệ” và việc trao đổi, đàm phán không có kết quả thì sẽ có thể gây ra một số bất lợi nhất định đến hoạt động ngoại thương, đầu tư, nếu Mỹ áp dụng các biện pháp cứng rắn hơn. Khả năng này theo chúng tôi là ít xảy ra.

Trên cơ sở xem xét các yếu tố thuận lợi và bất lợi, dự báo kim ngạch xuất khẩu năm 2021 sẽ tăng khoảng **6-8%**, ước đạt 298-304 tỷ USD; trong khi nhập khẩu sẽ tăng khoảng 5-7%, ước đạt 278-283 tỷ USD để phục vụ nhu cầu tiêu dùng, cũng như nguyên vật liệu phục vụ sản xuất khi dịch bệnh suy giảm bớt, cán cân thương mại dự kiến tiếp tục thặng dư ở mức **15-17 tỷ USD**.



### III. DỰ BÁO VÀ KIẾN NGHỊ

- *Vốn FDI*: năm 2021, trong bối cảnh dòng vốn FDI toàn cầu dự kiến sẽ chỉ tăng trưởng ở mức “vừa phải” (khoảng từ 5-10%), thu hút FDI của Việt Nam có một số lợi thế, trong đó phải kể đến các FTA có hiệu lực, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng, an toàn y tế và ổn định chính trị, khả năng kết nối với các trung tâm sản xuất công nghiệp của Trung Quốc, nỗ lực cải thiện thể chế, môi trường kinh doanh của Việt Nam...v.v. Tuy nhiên, một số yếu tố cản trở là dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp và việc Mỹ gán mác Việt Nam “thao túng tiền tệ” cũng có thể ảnh hưởng như nêu trên. Trên cơ sở đó, dự báo năm 2021, Việt Nam sẽ thu hút được **37-39 tỷ USD** vốn đăng ký và giải ngân được khoảng **21-22** tỷ USD.

- *NSNN*: Để tiếp tục hỗ trợ phục hồi kinh tế và trang trải các khoản vay cũ, dự báo thâm hụt NSNN và nợ công Việt Nam sẽ vẫn duy trì mức cao trong năm 2021 lần lượt ở mức 4% GDP và 56-58% GDP (GDP chưa đánh giá lại), song sẽ được kiểm soát theo hướng giảm dần qua từng năm trong giai đoạn 2021-2025. Dự báo thâm hụt NSNN sẽ được kiểm soát ở mức dưới **4%** trong giai đoạn 2021-2025 (**ở mức 3,5%**) và nợ công giảm dần và ở mức **45-46% GDP** vào năm 2025 (theo GDP đánh giá lại), tiệm cận mức nợ công bền vững theo khuyến cáo của IMF. Cùng với đó, cơ cấu thu chi NSNN sẽ theo hướng bền vững hơn, chi thường xuyên/tổng chi NSNN giai đoạn 2021-2025 sẽ ở mức 61-62% (giảm từ mức 63-65% giai đoạn 2016-2020); chi đầu tư phát triển sẽ tăng lên mức 28-29% trong điều kiện đảm bảo hiệu quả đầu tư công và các gói hỗ trợ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế.

- *Lãi suất*: năm 2021 dự kiến NHNN sẽ tiếp tục thực thi chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhằm duy trì lãi suất **cơ bản ổn định**, tạo điều kiện để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao hơn, cho dù cùng với đà hồi phục kinh tế, nhu cầu tín dụng và áp lực lạm phát tăng lên có thể khiến mặt bằng lãi suất tăng nhẹ so với năm 2020.

- *Tỷ giá*: năm 2021, tỷ giá dự kiến tăng ở mức **0,5-1%** so với cuối năm trước do: (i) hoạt động kinh tế phục hồi khiến nhu cầu thanh toán, vay ngoại tệ bằng đồng USD tăng lên; (ii) triển vọng kinh tế Mỹ tăng trưởng sau dịch bệnh, giúp đồng USD tăng giá từ nửa cuối của năm; (iii) dự trữ ngoại hối duy trì ở mức cao giúp giá trị VND ổn định; và (iv) điều kiện tiếp tục hỗ trợ tỷ giá ổn định.

- *Tăng trưởng tín dụng, nợ xấu*: năm 2021, dự kiến tín dụng sẽ được mở rộng hơn song mức tăng không quá cao so với năm 2020, dự kiến tăng từ **12-13%**. Định hướng phát triển tín dụng của NHNN trong năm 2021 sẽ tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các dự án trọng điểm, có hiệu quả, chú trọng định hướng cơ cấu tín dụng phù hợp với chuyển dịch nền kinh tế.

Dự báo nợ xấu nội bảng tại các ngân hàng sẽ tăng lên mức **3-3,5%** năm 2021, do hai nguyên nhân chủ yếu là: (i) vẫn còn độ trễ tác động của dịch bệnh đến khách hàng của TCTD và (ii) do các khoản nợ đang cơ cấu lại theo Thông tư 01 vẫn được giữ nguyên nhóm nợ mà chưa phải chuyển nhóm; nên khi Thông tư 01 hết hiệu lực, các TCTD phải chuyển nhóm nợ thì nợ xấu sẽ tăng lên. Vì vậy, NHNN cần xem xét, tính toán thời điểm hết hiệu lực của Thông tư 01 theo hướng có lộ trình để không tạo cú sốc cho nợ xấu tăng nhanh đối với các TCTD; đồng thời các TCTD tiếp tục phải chấp nhận hy sinh lợi nhuận tăng thấp trong năm 2021 để có nguồn lực xử lý nợ xấu.

- *Kinh tế số*: với sự phát triển của CMCN 4.0, chủ trương “Make in Viet Nam” và Chương trình chuyển đổi số quốc gia đã ban hành, quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam sẽ diễn ra nhanh hơn nữa. Theo dự báo của Google và Temasek 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế số Việt Nam giai đoạn 2020-2025 sẽ đạt mức **30%/năm**, cao hơn mức trung bình của khu vực ASEAN (25%) và quy mô kinh tế số sẽ đứng thứ ba khu vực ASEAN, sau Indonesia và Thái Lan. Theo dự báo của Tổ chức Data 61 (Australia), GDP Việt Nam có thể tăng thêm khoảng **1,1%** hàng năm đến năm 2030 nếu chuyển đổi số thành công. Theo đó, cần chú trọng hoàn thiện thể chế, tạo môi trường thuận lợi cho các mô hình kinh doanh mới; xây dựng bộ chỉ số đo lường kinh tế số; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường bảo mật thông tin cá nhân và an ninh mạng.

- *Hoạt động doanh nghiệp*: Trong năm 2021, DN nhiều khả năng sẽ tiếp tục gặp khó khăn do diễn biến khó lường của dịch bệnh, tuy nhiên dự báo hoạt động DN sẽ **khởi sắc hơn** do: (i) Dự kiến Chính phủ tiếp tục thực hiện các gói hỗ trợ đợt 1 vừa qua và có thể ban hành một số gói hỗ trợ mới nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn do dịch bệnh; (ii) Các DN thích ứng tốt hơn trong bối cảnh bình thường mới; (iii) Nhu cầu nội địa và nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam sẽ tăng trở lại.

### III. DỰ BÁO VÀ KIẾN NGHỊ

#### ▶ TÁM KIẾN NGHỊ

**Một là, trong năm 2021 cần tiếp tục thực hiện mục tiêu kép, kiên trì nhiệm vụ phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả** trong bối cảnh đại dịch còn diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu. Đồng thời, cần đẩy nhanh tiến độ triển khai các gói hỗ trợ; rà soát, mở rộng và kéo dài các gói hỗ trợ (nhất là đối với các lĩnh vực chịu tác động mạnh như du lịch, hàng không, bán lẻ...) để giúp doanh nghiệp vượt khó, cũng là nuôi dưỡng động lực phát triển kinh tế - xã hội và nguồn thu ngân sách lâu dài. Chú trọng khai thác các động lực tăng trưởng mới (như nêu dưới đây), **phấn đấu đạt mức tăng trưởng 6,5-7%**.

**Hai là, chú trọng ổn định kinh tế vĩ mô:** (i) nâng cao hiệu quả phối hợp chính sách, nhất là giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và giá cả nhằm kiểm soát lạm phát mục tiêu; (ii) theo sát, phân tích và dự báo diễn biến thị trường tài chính – tiền tệ quốc tế để sử dụng đồng bộ các công cụ chính sách nhằm ổn định thị trường; (iii) tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; phối kết hợp tốt với chính sách tài khóa, đảm bảo ổn định lãi suất và tỷ giá góp phần kiềm chế lạm phát; (iv) Xây dựng lộ trình và phối hợp thực thi kế hoạch tăng giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý một cách phù hợp, hiệu quả tránh các thời điểm cao điểm...v.v.

**Ba là, ưu tiên hoàn thiện thể chế như là một đột phá của năm 2021.** Thể chế luôn được xem như là kiến tạo và cũng là rào cản; nhưng chưa được coi là đột phá của năm. Theo đó, năm 2021 cần ưu tiên hơn nữa khâu này, nhất là hoàn thiện hành lang pháp lý thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế tư nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh cá thể) và thể chế cho phát triển kinh tế số, mô hình kinh doanh mới, xã hội số...v.v.

**Bốn là, chủ động nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy xuất khẩu:** (i) thực thi hiệu quả nhằm tận dụng các cơ hội từ các FTA thế hệ mới; (ii) thực thi hiệu quả những định hướng, mục tiêu, giải pháp tại Nghị quyết 50 (2019) của Bộ Chính trị về định hướng, sàng lọc thu hút FDI đến năm 2030; (iii) tiếp tục đẩy mạnh cải thiện thực chất môi trường đầu tư - kinh doanh; (iv) tăng cường hiệu quả công tác truyền thông, phổ biến về các FTAs; và (v) đẩy mạnh cải cách thể chế theo các cam kết hội nhập.

**Năm là, tiếp tục thúc đẩy đầu tư công, góp phần tăng trưởng kinh tế và tạo nền tảng phát triển lâu dài:** trong năm 2021, đầu tư công vẫn nên được xem như một giải pháp để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sau dịch Covid-19. Chính phủ cần tiếp tục chỉ đạo, yêu cầu các bộ, ngành địa phương phát huy cách làm trong năm 2020 vừa qua cùng với việc tăng trách nhiệm của người đứng đầu. Đồng thời, lưu ý tính hiệu quả và thực chất của việc giải ngân đầu tư công.

**Sáu là, tiếp tục đẩy mạnh và quyết liệt, đồng bộ hơn các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế,** nhằm đảm bảo việc phân bổ nguồn lực thực sự hiệu quả. Đồng thời tăng cường nội lực, nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế đối với các cú sốc từ bên ngoài: (i) nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia và doanh nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất và phát triển thị trường tiêu thụ trong nước; (ii) phát triển hệ thống tài chính, trong đó chú trọng phát triển thị trường vốn, sớm tạo hành lang pháp lý để doanh nghiệp có thể sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro về tỷ giá, lãi suất...v.v.; (iii) chủ động nắm bắt tính chu kỳ của nền kinh tế và của từng ngành nghề cụ thể cũng như diễn biến thị trường hàng hoá, thị trường tài chính, tiền tệ trong nước, quốc tế và xây dựng những phương án dự phòng và kích bản ứng phó khi cú sốc xảy ra...v.v.

**Bảy là, đẩy mạnh phát triển kinh tế số, thực hiện thành công Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Chương trình 749).** Cụ thể: (i) Nghiên cứu xây dựng “Bộ chỉ số đo lường kinh tế số Việt Nam” theo chuẩn quốc tế; nâng cao năng lực thống kê để tiếp cận và đo lường một cách đầy đủ và toàn diện nền kinh tế số, chuẩn bị cho kỷ nguyên số; (ii) Sớm hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho các mô hình kinh doanh số; (iii) Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật số toàn diện và đồng bộ, chú trọng đảm bảo hạ tầng cho phát triển thành công dịch vụ 5G trên toàn quốc, tạo khả năng tiếp cận bình đẳng dịch vụ giữa các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa với thành thị; (iv) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt đội ngũ chuyên gia công nghệ số, chuyên gia an ninh mạng, am hiểu kinh doanh và công nghệ số...; (v) Tăng cường phối hợp trong phạm vi quốc gia và quốc tế trong bảo mật thông tin cá nhân và an ninh mạng, trong ngăn chặn tội phạm công

nghệ và tội phạm tài chính.

**Tóm lại, hết sức chú trọng tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ lực lượng doanh nghiệp:** cần đẩy nhanh thực hiện hiệu quả các gói hỗ trợ; tăng tính gắn kết giữa các khối doanh nghiệp (trong nước với FDI, lớn với nhỏ); áp dụng chuẩn mực quản trị theo thông lệ đối với mọi loại hình doanh nghiệp (bao gồm cả DNNN); nâng đỡ, khuyến khích để các hộ gia đình chuyên đổi thành DN siêu nhỏ thành công và hiệu quả; đồng thời, tạo điều kiện để xây dựng một số doanh nghiệp lớn (đầu đàn) dẫn dắt, đi đầu trong kiến tạo, kết nối các chuỗi giá trị.

## VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

773 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.932.3891

Email: [phongncktdtnc@bidv.com.vn](mailto:phongncktdtnc@bidv.com.vn)



CHUYÊN GIA KINH TẾ TRƯỞNG BIDV  
TS. Cấn Văn Lực



Phó giám đốc: Nguyễn Thị Minh Thu  
Email: [thunm@bidv.com.vn](mailto:thunm@bidv.com.vn)



Ông Nguyễn Hải Bình - Phòng nghiên cứu kinh tế  
Email: [binhnh@bidv.com.vn](mailto:binhnh@bidv.com.vn)

### LƯU Ý SỬ DỤNG THÔNG TIN

Đây là Báo cáo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV. Báo cáo này mang tính độc lập, thể hiện quan điểm của các thành viên trong Viện, không phải là quan điểm chính thức của BIDV, được cung cấp để Ban lãnh đạo BIDV và một số lãnh đạo, tổ chức bên ngoài tham khảo, trao đổi; qua đó nhận định đánh giá để đưa ra quyết sách phù hợp. Báo cáo này chỉ để tham khảo và không nhằm mục đích tư vấn tài chính hoặc tư vấn đầu tư. Bất kỳ nhận định nào trong Báo cáo này cũng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV không có nghĩa vụ và không chịu trách nhiệm đối với những tổn thất hay thiệt hại xảy ra cho bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào do việc sử dụng những thông tin và nhận định trong Báo cáo này.